BÀI GIẢNG: LESSON 1

CHUYÊN ĐỀ: UNIT 16: OUTDOOR ACTIVITIES

TIẾNG ANH 3 CHƯƠNG TRÌNH MỚI

GIÁO VIÊN: BÙI THANH HUẾ - TUYENSINH247.COM

VOCABULARY



playing badminton
chơi cầu lông



running
chạy



painting
vẽ tranh



walking
đi bộ



playing volleyball
chơi bóng chuyền



playing table tennis
chơi bóng bàn



skateboarding
trượt ván

VOCABULARY

A: What's she doing? (Cô ấy đang làm gì thế?)

B: She's... (Cô ấy đang...)

Ví dụ:

A: What's she doing?

B: She is playing volleyball.



A: What' s he doing? (Cậu ấy đang làm gì thế?)

B: He' s... (Cậu ấy đang...)

Ví dụ:

A: What' s he doing?

B: He is painting.



LOOK, READ AND REPEAT



LISTEN AND TICK

1. a



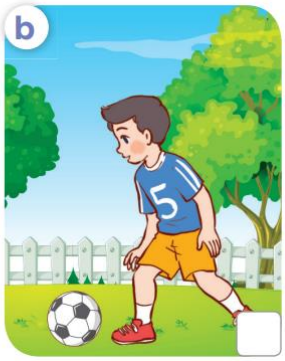
b



2. a



b



LOOK, COMPLETE AND READ



1. He's _____.



2. She's _____.



3. She's _____.



4. He's _____.

Gợi ý: *1. playing football* *2. painting* *3. playing badminton* *4. running*

WRAP UP